

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 65/2022/DS-ST

Ngày: 09 - 9 - 2022

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Y Míp Niê.

2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST- DS, ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐST - DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST – DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Văn H. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đ.

- ***Bị đơn:*** Ông Đoàn D. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Bà Phạm Thị Kiều O (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:**

Do có quan hệ quen biết. Nên vào năm 2017 tôi có cho vợ chồng ông Đoàn D – Phạm Thị Kiều O, trú tại thôn L, xã P, huyện K nợ tiền mua phân bón. Với hình thức đầu năm tôi cho nợ phân chót sổ nợ và cuối năm thu hoạch cà phê thì sẽ trả. Quá trình mua bán phân bón do tôi (H) và ông D đại diện cho vợ chồng (D - O) thực hiện. Sau khi ông D nhận hàng (các loại phân bón), thì hai bên tính toán chót sổ nợ và ông D có ký xác nhận vào giấy nợ cho tôi.

Cụ thể tôi ông D và bà O đã mua của tôi các loại phân bón như sau: Ngày 17/01/2017 mua phân NPK 30 bao x 340.000đ/bao = 10.200.000đ; phân NPK 20 bao x 610.000đ/bao = 18.300.000đ; phân hữu cơ 100 bao x 200.000đ/bao = 20.000.000đ.

Ngày 21/02/2017 mua phân NPK 02 bao x 620.000đ/bao = 1.240.000đ; Phân lân Văn Điển 20 bao x 170.000đ/bao = 3.400.000đ; phân hữu cơ 20 bao x 200.000đ/bao = 4.000.000đ. Tổng số tiền 63.940.000đ. Sau đó ngày 26/6/2017 ông D, bà O đã trả được 14.250.000đ. Còn nợ lại 49.690.000đ, hẹn đến 20/12/2017 sẽ trả nợ.

Tuy nhiên cho đến nay đã quá hạn trả nợ như thỏa thuận, nhưng ông D và bà O vẫn chưa trả nợ cho tôi.

Ngày 26/7/2022 ông D và bà O đã trả được cho tôi số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Số tiền hiện còn nợ lại là 44.690.000đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn).

Do ông D và bà O không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận, nên tôi khởi kiện yêu cầu ông D và bà O phải cùng trả cho tôi số tiền hiện còn nợ là 44.690.000đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Tôi không yêu cầu phải trả tiền lãi.

**- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đoàn D trình bày:** Do có quan hệ quen biết và vợ chồng tôi (Đoàn D - Phạm Thị Kiều O) có làm rẫy tại xã T, nên trong năm 2017 vợ chồng tôi có mua phân bón của ông Trần Văn H, tại thôn G, xã T, huyện K. Với tổng số tiền của các lần mua là 49.690.000đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Với hình thức đầu năm chúng tôi mua phân chót sổ nợ và cuối năm thu hoạch cả phê thì sẽ trả.

Cụ thể vợ chồng tôi đã mua các loại phân bón như sau: Ngày 17/01/2017 mua phân NPK 30 bao x 340.000đ/bao = 10.200.000đ; phân NPK 20 bao x 610.000đ/bao = 18.300.000đ; phân hữu cơ 100 bao x 200.000đ/bao = 20.000.000đ. Ngày 21/02/2017 mua phân NPK 02 bao x 620.000đ/bao = 1.240.000đ; Phân lân Văn Điển 20 bao x 170.000đ/bao = 3.400.000đ; phân hữu cơ 20 bao x 200.000đ/bao = 4.000.000đ. Tổng số tiền 63.940.000đ. Sau đó ngày 26/6/2017 tôi đã trả được 14.250.000đ. Còn nợ lại 49.690.000đ. Sau khi vợ chồng tôi mua phân bón của ông H, thì đã tính toán chót sổ nợ và tôi có ký xác nhận vào giấy nợ cho ông H. Và hẹn đến 20/12/2017 sẽ trả nợ cho ông H. Nhưng đến nay do kinh tế gia đình khó khăn nên chúng tôi mới trả tiếp được số tiền 5.000.000đ, còn nợ lại số tiền 44.690.000đ chưa trả.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải cùng trả nợ thì tôi đồng ý. Tôi đề nghị ông H xem xét để vợ chồng tôi trả nợ dần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kiều O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tuy nhiên bà O vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà không có lý do, và bà O không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà O và không tiến hành hòa giải được.

Vì các bên đương sự không thỏa thuận được về thời hạn trả nợ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

**Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[ 1 ]. Về thủ tục tố tụng:**

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa ông Trần Văn H và ông Đoàn D, bà Phạm Thị Kiều O có thực hiện giao dịch mua bán tài sản là phân bón, bằng hình thức giao phân bón đầu năm và cuối năm trả tiền. Hai bên thống nhất đến 20/12/2017 sẽ trả đủ tiền và không thỏa thuận lãi suất. Do ông D và bà O vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa các bên là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

#### **[ 2 ]. Về nội dung tranh chấp:**

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, tổng đạt thông báo thụ lý cũng như kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho các đương sự. Tuy nhiên chỉ bị đơn ông Đoàn D có mặt để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kiều O không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các thông báo của Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và ý kiến của đương sự có mặt trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

Về nguồn gốc số nợ: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập và ý kiến của đương sự có mặt trong quá trình giải quyết vụ án đã có cơ sở xác định: Số nợ giữa ông H với ông D và bà O có nguồn gốc từ việc mua bán phân bón với nhau theo hình thức đầu năm nhận phân, cuối năm trả tiền. Căn cứ vào giấy mua bán phân bón ngày 17/01/2017 thì ông H đã bán cho ông D và bà O các loại phân bón với số tiền còn nợ lại là 49.690.000đ, các bên thống nhất đến ngày 20/12/2017 sẽ trả đủ và không thỏa thuận lãi suất. Và đến ngày 26/7/2022 ông D và bà O đã trả thêm được 5.000.000đ, hiện còn nợ lại số tiền 44.690.000đ.

Về mục đích sử dụng: Ông H cho ông D và bà O mua nợ phân bón. Mặc dù chỉ cá nhân ông D ký giấy nợ và trực tiếp giao dịch. Nhưng việc mua nợ phân bón của ông D nhằm đầu tư chăm sóc cà phê và hồ tiêu, phục vụ nhu cầu kinh tế hộ gia đình. Vì vậy căn cứ vào qui định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình cần buộc thành viên trong hộ gia đình là bà O phải liên đới cùng ông D trả nợ cho ông H.

Về số tiền đã trả: Kể từ thời điểm vay cho đến nay ông D và bà O mới trả cho ông H được số nợ 5.000.000đ.

Vì vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án. HĐXX xét thấy việc ông H khởi kiện ông D và bà O về việc yêu cầu trả nợ do

vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán tài sản về số tiền gốc 44.690.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Trong giấy nợ không thể hiện lãi suất đồng thời ông H không yêu cầu ông D và bà O phải trả tiền lãi nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy cần buộc Ông D và bà O phải liên đới trả cho ông H số nợ gốc là 44.690.000đ.

Áp dụng Điều 357, Điều 468 BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án.

**[ 3 ]. Về án phí:** Ông Đoàn D và bà Phạm Thị Kiều O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, mức án phí phải chịu là: 44.690.000đ x 5% = 2.234.500đ (Hai triệu hai trăm ba mươi tư nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

1. Buộc ông Đoàn D và bà Phạm Thị Kiều O phải trả cho ông H số tiền 44.690.000đ (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Đoàn D và bà Phạm Thị Kiều O phải chịu 2.234.500đ (Hai triệu hai trăm ba mươi tư nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho ông Trần Văn H số tiền 1.242.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số 0008911 ngày 05/4/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lương Thị Ngọc**